

Bản án số: **28/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 03/5/2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Quang Toán.

2. Ông: Châu Văn Khỏe.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **76/2023/TLST-HNGĐ**, ngày 17 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **05a/2024/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 20 tháng 3 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: **04/2024/QĐST-HNGĐ**, ngày 16 tháng 4 năm 2024.

1. Nguyên đơn: Anh Phùng Văn D, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Triệu Thị H (tên gọi khác Triệu Thị P, Triệu Thị P1), sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Phùng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Triệu Thị H (tên gọi khác là Triệu Thị P, Triệu Thị P1) được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2004, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã S vào ngày 22/6/2004. Kể từ khi kết hôn anh, chị cư trú tại thôn N, xã S, huyện N, anh, chị sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H tự ý bỏ nhà đi, đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho anh biết, không quan tâm đến chồng, con. Đến Tết (âm lịch) năm 2021 chị H mới về nhà, ở nhà đến ngày 09/02/2022 lại tiếp tục bỏ nhà đi, anh, chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến tháng 5/2023 chị H mới về nhà một lần nữa ở nhà được 02 ngày rồi lại đi từ đó cho đến khi anh làm đơn xin ly hôn vào tháng 9/2023. Anh xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với chị H nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con tên các cháu là Phùng Xuân P2, sinh ngày: 27/10/2004, Phùng Thị X, sinh ngày: 03/02/2007, Phùng Thảo M, sinh ngày: 09/12/2017, đối với cháu P2 đã đủ tuổi trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định tự nuôi sống bản thân do đó anh không đề nghị; riêng đối với các cháu X, M hiện đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đề nghị giao cách cháu X, M cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đề nghị miễn án phí cho anh vì anh là dân tộc Tày cư trú ở xã có điều kiện xã hội, kinh tế khó khăn và là hộ nghèo của xã S.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi bản sao đơn khởi kiện cho chị H nhưng do chị H không có mặt tại nơi cư trú nên không tiến hành tổng đạt được, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, chị H không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có yêu cầu phản tố hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh D.

Xác minh tại thôn N, xã S, huyện N, được ông Chúc Văn C trưởng thôn biết như sau: Trước đây anh D, chị H đều đi làm công nhân ở xa nhà, kể từ khi về nhà mới phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi, chửi nhau, nguyên nhân xuất phát từ đâu thì thôn không nắm bắt được vì anh D, chị H không đề nghị thôn hòa giải. Chị H đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 5/2020, đến Tết (âm lịch) năm 2021 chị H mới về nhà ở vài ngày rồi lại bỏ đi, đến tháng 5/2023 về nhà một lần nữa ở nhà được khoảng 02 ngày rồi lại đi đâu, làm gì không thông báo cho thôn biết. Hiện nay các cháu X, M là con chung của anh D, chị H đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu P2 đã đi làm công nhân ở xa nhà.

Tiến hành lấy lời khai của các cháu X, M các cháu có ý kiến bố, mẹ các cháu ly hôn, nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở với bố là anh Phùng Văn D vì bố là người quan tâm, chăm sóc tới các cháu còn mẹ là chị Triệu Thị H thì bỏ nhà đi suốt không quan tâm gì đến các cháu.

Đối với chị Triệu Thị H, theo đơn đề nghị của anh Phùng Văn D, đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, xác định 03 người có tên Triệu Thị H, Triệu Thị P, Triệu Thị P1 chỉ là một người tên gọi chính thức là Triệu Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phùng Văn D.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phùng Văn D được ly hôn chị Triệu Thị H.

Về con chung: Giao các cháu Phùng Thị X, sinh ngày: 03/02/2007 và cháu Phùng Thảo M, sinh ngày: 09/12/2017 cho anh Phùng Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh D1 không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra tuyên anh Phùng Văn D không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã S, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D, thực

hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị H, chị H đã không có mặt để làm việc, do đó Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Anh Phùng Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình xác minh chị H không có mặt tại nơi cư trú từ đầu tháng 5/2023 cho đến khi xét xử mà không thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của BLTTDS, xác định chị H cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn D và chị Triệu Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Việc đương sự trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân là hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ, tài liệu mà Tòa án đã thu thập được. HĐXX xét thấy anh D và chị H có thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian ly thân các bên không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật HN&GD, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Văn D.

[3] Về con chung: Anh Phùng Văn D xác định vợ chồng anh có 03 con chung là các cháu Phùng Xuân P2, Phùng Thị X, Phùng Thảo M phù hợp với xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã S cung cấp, trong các giấy khai sinh của các cháu P2, X, M đều ghi tên mẹ là Triệu Thị H (Triệu Thị P, Triệu Thị P1), do đó HĐXX xác định các cháu P2, X, M là con chung của anh Phùng Văn D và chị Triệu Thị H.

[3.1] Về việc giao nuôi con: Quá trình giải quyết anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con khi vợ chồng anh ly hôn; ý kiến của các cháu X, M đều có nguyện vọng được ở với anh D khi bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu hiện đang học tại xã S, huyện N; chị H hiện không có mặt tại nơi cư trú. Xét thấy kể từ khi anh D, chị H sống ly thân các cháu X, M đã được anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H đã không quan tâm, chăm sóc tới con. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật HN&GD, HĐXX xét thấy cần giao các cháu Phùng Thị X, Phùng Thảo M cho anh Phùng Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là phù hợp có căn cứ.

[3.2] Đối với cháu Phùng Xuân P2, sinh ngày: 27/10/2004 hiện đã trưởng thành, anh D xác định cháu đã đi làm công nhân có thu nhập ổn định để nuôi sống bản thân, do đó HĐXX không xem xét.

[3.3] Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Phùng Văn D không yêu cầu chị Triệu Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy đây là quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự, do đó không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con là phù

hợp với ý chí của đương sự. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Phùng Văn D xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Dũng được miễn án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phùng Văn D.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Văn D được ly hôn chị Triệu Thị H.

Về con chung: Giao các cháu Phùng Thị X, sinh ngày: 03/02/2007 và cháu Phùng Thảo M, sinh ngày: 09/12/2017 cho anh Phùng Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Triệu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Phùng Văn D được miễn án phí sơ thẩm ly hôn (vì là hộ nghèo, dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Sơn Phú, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang